Câu **1**: [NB]

Chọn đáp án đúng.  
Thành phần thừa số trong hai phép nhân 3 × 5 = 15 và 4 × 2 = 8 là những số nào?

A. 15; 8

B. 3; 5; 4; 2

C. 3; 5; 15 D. 4; 2; 18

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích.  
Trong phép chia: Số bị chia:Số chia = Thương.  
  
Áp dụng lí thuyết trên ta có thành phần thừa số trong 2 phép nhân 3 × 5 = 15 và 4 × 2 = 8 là các số 3 ; 5 ; 4 ; 2 .

Câu **2**: [NB]

Hãy chọn đáp án đúng để điền vào ô trống  
Trong phép nhân: 3 × 7 = 21  
Số 3 là [[Thừa số]]  
Số 21 là [[Tích]]

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích.  
Trong phép chia: Số bị chia:Số chia = Thương.

Câu **3**: [NB]

Cho ba số 15 ; 5 ; 3 và các dấu thích hợp. Sắp xếp ba số trên sao cho tạo được một phép nhân có thừa số thứ nhất bằng 3 .

3

×

5

=

15

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích.  
Trong phép chia: Số bị chia:Số chia = Thương.  
  
Ta sắp xếp như sau 3 × 5 = 15

Câu **4**: [NB]

Cho phép nhân: 6 × 3 = 18  
Chọn các câu đúng trong các câu dưới đây:

A. Thừa số thứ nhất là 6

B. Thừa số thứ 2 là 18

C. Tích của phép nhân là 18

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích.  
Trong phép chia: Số bị chia:Số chia = Thương.  
  
Trong phép nhân 6 × 3 = 18 có Thừa số thứ nhất là 6 , thừa số thứ 2 là 3 và Tích của phép nhân là 18

Câu **5**: [NB]

Sắp xếp đúng thứ tự các thành phần xuất hiện trong một phép nhân:

Thừa số thứ nhất

Dấu nhân

Thừa số thứ hai

Dấu bằng

Tích

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích.  
  
Trong một phép nhân có:  
Thừa số thứ nhất × thừa số thứ hai = Tích  
Vậy thứ tự sắp xếp là: thừa số thứ nhất, dấu nhân, thừa số thứ hai, dấu bằng, tích.

Câu **6**: [NB]

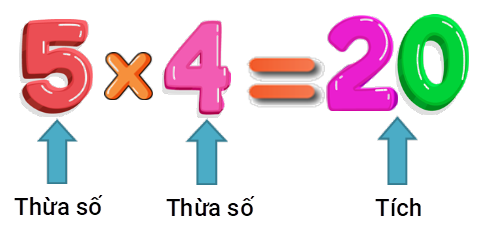
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho phép nhân 5 × 4 = 20.  
Các thừa số của phép nhân trên là

A. 5 và 4.

B. 5 và 20. C. 4 và 20.

Lời giải:

**Bước 1:**

  
Các thừa số của phép nhân trên là 5 và 4.  
**Đáp án:**  
5 và 4.

Câu **7**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.

A. Muốn tìm một thừa số ta lấy tích trừ cho thừa số kia. B. Muốn tìm một thừa số ta lấy tích cộng thừa số kia.

C. Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.

Lời giải:

**Bước 1:**

Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
**Đáp án:**  
Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.

Câu **8**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho a × 2 = 12.  
Khi đó a bằng

A. 10.

B. 6.

C. 8. D. 4.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có:  
a × 2 = 12  
a = 12 : 2  
a = 6.  
**Đáp án:**  
6.

Câu **9**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án thích hợp.  
Trong phép nhân 3 × 4 = 12 , nhận xét nào dưới đây **sai?**

A. Thừa số của phép nhân này là 3;4. B. 3×4 được gọi là tích của phép nhân này.

C. 12 được gọi là thương.

D. Vì 3×4=12 nên 12:3=4.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có 12 được gọi là tích của phép nhân 3 × 4 .  
Nhận xét **sai**là:  
12 được gọi là thương.  
**Đáp án:**  
12 được gọi là thương.

Câu **10**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Tìm thừa số của phép nhân biết phép nhân đó có tích bằng 14 và một thừa số bằng 2.  


A. 5.

B. 7.

C. 6.

Lời giải:

**Bước 1:**

Thừa số cần tìm là 14 : 2 = 7.  
**Đáp án:**  
7.

Câu **11**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
. . . × 3 = 30  
Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

A. 7.

B. 10.

C. 6. D. 8.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có phép tính 30 : 3 = 10 .  
Khi đó số cần điền vào chỗ chấm là 10.  
**Đáp án:**  
10

Câu **12**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho phép nhân 9 × 3 = 27  
Tích của phép nhân trên là [[27]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích  
  
Trong phép nhân: 9 × 3 = 27  
9 và 3 là hai thừa số  
27 là tích  
**Đáp án:**  
27

Câu **13**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Trong các phép nhân sau, phép nhân nào có tích bằng 8 ?

A. 4×2=8

B. 8×5=40 C. 3×8=24

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích  
  
Theo lý thuyết:  
4 × 2 = 8 có tích là 8 ;  
8 × 5 = 40 có tích là 40 ;  
3 × 8 = 24 có tích là 24 .  
Trong các phép nhân đã cho, 4 × 2 = 8 là phép nhân có tích bằng 8 .  
**Đáp án:**  
4 × 2 = 8

Câu **14**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Trong các phép tính sau, phép tính nào có thương là 7 ?

A. 35:5=7

B. 42:7=6 C. 7×1=7

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép chia: Số bị chia : Số chia = Thương  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích  
  
Trong phép chia: 35 : 5 = 7 , số 7 là thương của phép chia.  
Trong phép chia: 42 : 7 = 6 , số 7 là số chia.  
Trong phép nhân: 7 × 1 = 7 , số 7 là tích.  
Vậy 7 là thương trong phép tính:  
35 : 5 = 7  
**Đáp án:**  
35 : 5 = 7

Câu **15**: [NB]

Bạn hãy chọn **tất cả**đáp án đúng.  
Cho phép nhân:  
7 × 6 = 42  
Câu nào sau đây là đúng?

A. Thừa số thứ nhất là 7.

B. Thừa số thứ hai là 42.

C. Tích của phép nhân là 42.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích  
  
Trong phép nhân: 7 × 6 = 42  
Thừa số thứ nhất là 7 ;  
Thừa số thứ hai là 6 ;  
Tích là 42 .  
**Đáp án:**  
Thừa số thứ nhất là 7 ,  
Tích của phép nhân là 42 .

Câu **16**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho phép nhân: 4 × 8 × 2 = 64  
Phép nhân trên có mấy thừa số?

A. 3 thừa số

B. 4 thừa số C. 5 thừa số

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Trong phép nhân: Thừa số × Thừa số = Tích  
  
Phép nhân đã cho có ba thừa số là 4 ; 8 và 2 .  
**Đáp án:**  
3 thừa số

Câu **17**: [NB]

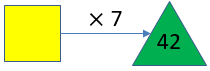
Bạn hãy chọn đáp án thích hợp để điền vào ô trống.  
Tích của hai thừa số bằng 72 . Biết rằng thừa số thứ nhất bằng 8 .  
Khi đó, thừa số thứ hai [[lớn hơn]] 7 .

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Thừa số thứ hai là 72 : 8 = 9  
Vì 9 > 7 nên thừa số thứ hai lớn hơn 7 .  
**Đáp án:**lớn hơn.

Câu **18**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho hình vẽ sau:  
  
Số cần điền vào ô màu vàng là [[6]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có:  
42 : 7 = 6 .  
Do đó, số cần điền vào ô màu vàng là 6 .  
**Đáp án:**6 .

Câu **19**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Tích của hai thừa số bằng 27 . Biết rằng thừa số thứ nhất bằng 3 . Hỏi thừa số thứ hai bằng bao nhiêu?

A. 8

B. 9

C. 7 D. 10

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Thừa số thứ hai là: 27 : 3 = 9  
**Đáp án:**9 .

Câu **20**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho hình vẽ sau:  
  
Số cần điền vào ô màu xanh là:

A. 2

B. 3

C. 4 D. 5

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Số cần điền vào ô màu xanh là: 15 : 5 = 3 .  
**Đáp án:**3 .

Câu **21**: [NB]

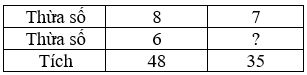
Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
? × 5 = 20  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là [[4]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có: 20 : 5 = 4  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là 4 .  
**Đáp án:**4 .

Câu **22**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án thích hợp để điền vào ô trống.  
Cho bảng sau:  
  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là [[5]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là: 35 : 7 = 5 .  
**Đáp án:**5

Câu **23**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho phép tính: ? × 8 = 72.  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là [[9]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là: 72 : 8 = 9.  
**Đáp án:**9.

Câu **24**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Một phép nhân có thừa số thứ nhất bằng 5 , tích bằng 50 thì thừa số thứ hai là: [[10]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Thừa số thứ hai là: 50 : 5 = 10.  
**Đáp án:**10.

Câu **25**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho hình vẽ sau:  
  
Số thích hợp cần điền vào dấu hỏi chấm là:

A. 7.

B. 5. C. 6. D. 10.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Số thích hợp cần điền vào dấu hỏi chấm là: 21 : 3 = 7.  
**Đáp án:**7.

Câu **26**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
3 × [[8]] = 24.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có: 24 : 3 = 8.  
Số cần điền vào ô trống là 8.  
**Đáp án:**8.

Câu **27**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
[[9]] × 9 = 81.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có: 81 : 9 = 9.  
Số cần điền vào ô trống là 9.  
**Đáp án:**

Câu **28**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho hình vẽ sau:  
  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là:

A. 2.

B. 1. C. 3. D. 4.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là: 18 : 9 = 2.  
**Đáp án:**2.

Câu **29**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho phép tính: ? × 6 = 42 − 6.  
Số thích hợp cần điền vào dấu hỏi chấm là:

A. 6.

B. 4. C. 5. D. 10.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có: 42 − 6 = 36.  
Số thích hợp cần điền vào dấu hỏi chấm là: 36 : 6 = 6.  
**Đáp án:**6.

Câu **30**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án thích hợp để điền vào ô trống.  
Cho phép tính nhân: 8 × [[8]] = 64.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.  
  
Ta có: 64 : 8 = 8.  
**Đáp án:**8.